

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2019/DS-PT.

Ngày : 23/10/2019

V/v: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hà

Ông Đặng Văn Quyết

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2019/TLPT- DS ngày 08 tháng 5 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2019/QĐ-PT ngày 08/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2019/QĐ-PT ngày 22/7/2019; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 15/8/2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 56/2019/QĐ-PT ngày 23/9/2019, giữa:

* Nguyên đơn: Ông Ngô Viết H, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Ông Lê Phùng H1, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Ủy quyền cho: Anh Lê Mạnh H2, sinh năm 1980 (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn BN, xã HV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị V, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

3. Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1961 (Có mặt).

Đều cùng địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Lê Ngô H4, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Lê Mạnh H2, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

6. Anh Lê Mạnh T1, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn BN, xã HV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang

7. Chị Ngô Thị H5, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

8. Chị Ngô Thị H6, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

9. Chị Ngô Thị H7, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn HL, xã GS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Chị H5, chị H6, chị H7 ủy quyền cho ông Ngô Viết H, sinh năm 1960 (Ông H có mặt).

Địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Ngô Văn H8, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

11. Ủy ban nhân dân huyện YT do ông Nguyễn Văn Quý, Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Yên Thế đại diện theo văn bản ủy quyền số 1058-UBND-TTr ngày 16/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện YT (Vắng mặt).

12. UBND xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2- Cán bộ địa chính (Vắng mặt).

*Người kế thừa quyền lợi nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị Vương :

1. Ông Lê Phùng H1, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Lê Ngô H4, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã BĐ, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bố, mẹ ông là cụ Ngô Viết Y và cụ Nguyễn Thị T3 kết hôn vào năm 1958. Trước khi hai cụ kết hôn với nhau thì cụ T3 đã có 03 người con riêng là ông Lê Phùng H1, sinh năm 1952, bà Lê Thị T, sinh năm 1954, bà Lê Thị V sinh năm 1956. Đến năm 1960 thì cụ T3 và cụ Y sinh thêm một người con chung là ông Ngô Viết H. Khi còn sống cụ T3 và cụ Y sinh sống ở khu vực Bãi Lãng (gần nghĩa trang liệt sỹ xã ĐS hiện nay), đến năm 1978 thực hiện chính sách di dân để lấy đất canh tác thì hai cụ cùng các con là ông H1, bà V, ông H chuyển về sinh sống tại khu đất được hợp tác xã cấp tại khu Đồi Cam (khi đó bà T đã lấy chồng), là thửa đất số 421 tờ bản đồ số 12 thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 801m² đất hành lang giao thông là 210m².

Trong thời gian chung sống tại khu Đồi Cam, ngoài diện tích đất được hợp tác xã cấp tại thửa số 421 tờ bản đồ số 12, cụ Y và cụ T3 còn gây dựng được khối tài sản chung gồm có 02 tủ, 02 giường, 01 máy khâu, 01 nhà cấp 4 khoảng 65 đến 70m², 03 gian bếp, giếng nước và các cây lâu năm trên diện tích đất tại thửa 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS gồm có 03 cây mít, 09 cây vải thiều, 01 cây nhãn, diện tích ruộng canh tác được chia theo mức bình quân tại địa phương.

Vào khoảng tháng 10 năm 1983 thì ông H xây dựng gia đình với bà Đặng Thị H3 (là vợ ông hiện nay) và vợ chồng ông chuyển vào khu Đồi Nhỏ ở riêng từ đó đến nay, đất tại khu Đồi Nhỏ ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 274 tờ bản đồ số 12 xã ĐS diện tích 2018m². Cụ Y chuyển vào sinh sống tại khu Đồi Nhỏ cùng vợ chồng ông H từ tháng 10/1983, tài sản chung của cụ Y và cụ T3 tại khu Đồi Cam do cụ T3 và ông H1 quản lý sử dụng. Kể từ cuối năm 1983 trở đi thì gia đình cụ Y và cụ T3 được chia thành 2 hộ độc lập. Hộ cụ T3 gồm có cụ T3, ông H1, bà T4 (vợ trước của ông H1) và con của ông H1 là anh H2, sinh sống tại khu Đồi Cam; hộ cụ Y do ông H đứng tên chủ hộ gồm có cụ Y, ông H, bà H3 sinh sống tại khu Đồi Nhỏ. Cụ T3 ở với vợ chồng ông H1 liên tục từ cuối năm 1983 đến ngày 18/7/1986 thì cụ T3 chết, cụ T3 không để lại di chúc để định đoạt tài sản chung của cụ. Khi cụ T3 chết tài sản của cụ T3 trong khối tài sản chung với cụ Y mà hai cụ gây dựng được trong thời gian chung sống với nhau ở Đồi Cam do ông H1 quản lý, sử dụng toàn bộ. Đến năm 2000 ông H1 tự ý làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất ở Đồi Cam mang tên ông H1 mà cụ Y khi đó còn sống không hề biết.

Cụ Y ở với ông H liên tục từ năm 1983 đến ngày 01 tháng 8 năm 2005 thì cụ chết, trước khi chết cụ Y không để lại di chúc để định đoạt tài sản của cụ, trong thời gian cụ Y ở với ông H thì cụ không có tài sản gì. Toàn bộ tài sản của cụ T3 và cụ Y gây dựng trong thời gian chung sống tại khu Đồi Cam từ năm 1978 đến năm 1983 do ông H1 quản lý, sử dụng vẫn chưa được chia cho các con thuộc hàng thừa kế của hai cụ. Ngày 20/8/2008 ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế chia cho ông được hưởng thừa kế tài sản trên thửa đất số 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS theo quy định của pháp luật thừa kế; ngày 07/4/2013 ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Thế chia tài sản chung của cụ Nguyễn Thị T3 để lại tại thửa 421 bản đồ số 12 theo quy định của pháp luật về chia tài sản chung.

Cụ thể ông H yêu cầu chia 906m² đất tại thửa 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS và các tài sản còn lại trên đất là 01 giếng khơi, 01 cây nhãn, 03 cây mít, 09 cây vải thiều.

Định xuất ruộng canh tác của cụ T3 do ông H1 quản lý ông H không yêu cầu giải quyết; Các tài sản gồm 02 tủ, 02 giường, 01 máy khâu, 01 nhà cấp 4 khoảng 65 đến 70m², 03 gian bếp đến nay không còn, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản này.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo ông Lê Phùng H1 trình bày: Cụ Y và cụ T3 kết hôn năm 1958, trước khi kết hôn cụ T3 có 3 người con riêng là ông H1, bà Thịnh, bà V, sau khi kết hôn cả gia đình gồm cụ T3, cụ Y, ông H1, bà T, bà V cùng chung sống tại khu Bãi Lãng. Đến năm 1960 cụ T3 và cụ Y sinh thêm ông Ngô Viết H. Năm 1977 cụ T3, cụ Y cùng ông H1, ông H bà V chuyển từ khu Bãi Lãng đến khu Đồi Cam sinh sống. Trong thời gian chung sống tại khu Đồi Cam cụ T3 và cụ Y có gây dựng được khối tài sản chung gồm có 02 tủ, 02 giường, 01 máy khâu, 01 nhà cấp 4 khoảng 65 đến 70m², 03 gian bếp, giếng nước và các cây lâu năm trên diện tích đất tại thửa 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS gồm có 03 cây mít, 09 cây vải thiều, 01 cây nhãn, diện tích ruộng canh tác được chia theo mức bình quân tại địa phương. Năm 1980 ông H lấy vợ lần đầu tiên tên là bà Phạm Thị H9, do vợ chồng mâu thuẫn ông H đã ly hôn bà H9. Năm 1983 ông H kết hôn với bà Đặng Thị H3 (là vợ ông H hiện nay) và chuyển về khu Đồi Nhôm sinh sống. Thời điểm năm 1983 cụ Y về sinh sống cùng vợ chồng ông H, gia đình cụ T3 và cụ Y tách thành 02 hộ riêng biệt. Đất tại khu Đồi Nhôm ông H đang ở hiện nay là tài sản chung của cụ Y và cụ T3 gây dựng được từ khi hai cụ còn chung sống, trước khi ông H kết hôn với bà H9. Cụ Y và cụ T3 đã chia tài sản cho ông và ông H

thành hai khu vực riêng biệt, ông H được sở hữu các tài sản và đất tại khu Đồi Nhỏ còn ông H1 sở hữu các tài sản và đất tại khu Đồi Cam. Kể từ năm 1983 khi cụ Y và cụ T3 tách hộ thì các tài sản của hai cụ đã chia xong và được các bên thực hiện việc chia tài sản từ đó không ai có tranh chấp gì. Khi chia tài sản chung của cụ Y và cụ T3 thì hai cụ chỉ nói miệng và các bên tự nguyện thực hiện không có người làm chứng và không có văn bản chia tài sản. Năm 1986 cụ T3 chết không để lại di chúc, toàn bộ tài sản của cụ T3 để lại gồm 02 tủ, 02 giường, 01 máy khâu, 01 nhà cấp 4 khoảng 65 đến 70m², 03 gian bếp, giếng nước và các cây lâu năm trên diện tích đất tại thửa 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS gồm có 03 cây mít, 09 cây vải thiều, 01 cây nhãn, diện tích ruộng canh tác được chia theo mức bình quân tại địa phương do ông quản lý sử dụng không có tranh chấp. Năm 2001 ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có tranh chấp. Cụ Y ở liên tục với ông H từ năm 1983 cho đến ngày 01/8/2005 thì cụ Y chết không để lại di chúc. Kể từ năm 1958 đến năm 2005 giữa ông H1 và cụ Y có quan hệ như chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, khi cụ Y chết bản thân ông là người chịu trách nhiệm chính lo tang ma cùng bà T bà V, ông H. Tài sản của cụ Y gây dựng chung trong khối tài sản chung với vợ chồng ông H gồm có: Diện tích đất và các công trình xây dựng tại thửa đất số 274 tờ bản đồ số 12 xã Đông Sơn, 02 giường, 01 bộ bàn ghế, 01 hòm đựng thóc, một định xuất ruộng canh tác của cụ Y do ông H đang quản lý, sử dụng ông H1 không yêu cầu giải quyết.

Cũng trong năm 2005 vợ chồng ông H có hỏi ý kiến và được ông H1 đồng ý cho mượn thửa đất tại khu Đồi Cam để vợ chồng ông H ra làm lò vôi, khi ông H ra làm lò vôi trên đất vẫn còn 01 nhà cấp 4 là nhà cũ của cụ T3 và cụ Y chung sống cùng gia đình từ năm 1978 và toàn bộ cây trồng lâu năm trên đất, giếng nước. Việc ông H yêu cầu chia tài sản chung của cụ T3 và tài sản thừa kế của cụ Y tại thửa đất số 421 tờ bản đồ số 12 xã ĐS ông không đồng ý vì tài sản của hai cụ đã được chia xong từ năm 1983.

Nay ông xác định cụ Y và cụ T3 để lại hai mảnh đất, một mảnh ông H ở và một mảnh ông ở do đó ông đề nghị chia thừa kế diện tích đất ông H đang ở hiện nay

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện:

Bà Lê Thị T trình bày: Cụ Ngô Viết Y và mẹ bà là cụ Nguyễn Thị T3 kết hôn năm 1958, hai cụ ở khu đất Bãi Lãng gần nghĩa trang Liệt Sĩ xã ĐS ngày nay. Khi đó bà còn nhỏ giữa bà và cụ Y có quan hệ nuôi dưỡng chăm sóc nhau như cha

để với con đẻ. Đến năm 1978 thực hiện chính sách di dân hai cụ chuyển lên ở khu đất Đồi Cam. Trước khi kết hôn cụ T3 đã có 3 người con riêng là ông Lê Phùng H1 sinh năm 1952, bà Lê Thị T sinh năm 1954, bà Lê Thị V sinh năm 1956, đến năm 1960 hai cụ sinh thêm một người con chung là ông Ngô Viết H. Tài sản của hai cụ gồm hai thửa đất, một thửa ở khu Đồi Nhỏ (là thửa do vợ chồng ông H, bà H đang sinh sống hiện nay), một thửa ở khu Đồi Cam. Gia đình chung sống tại khu Đồi Cam đến khoảng năm 1980 thì ông H lấy vợ lần đầu là bà Phạm Thị H9, hai cụ cho vợ chồng ông H, bà H9 vào ở tại thửa đất ở khu Đồi Nhỏ, do vợ chồng ông H và bà H9 mâu thuẫn nên ông H đã ly hôn với bà H9 và lại trở về chung sống với cụ Y và cụ T3 tại khu đất ở đồi Cam. Khoảng năm 1983 ông H lấy vợ lần thứ hai là bà Đặng Thị H3, sau khi ông H kết hôn với bà H3, cụ Y và cụ T3 cho vợ chồng ông H, bà H3 vào ở khu đất đồi Nhỏ, cũng trong năm 1983 cụ Y chuyển vào chung sống cùng vợ chồng ông H, bà H3 tại khu Đồi Nhỏ, cụ T3 chung sống với vợ chồng ông H1, bà T4 (là vợ trước của ông H1) tại khu đất ở đồi Cam. Bà T và bà V đã lấy chồng. Gia đình cụ T3 và cụ Y đã chính thức tách thành hai hộ độc lập kể từ khi cụ Y về chung sống với vợ chồng ông H, bà H3 từ năm 1983. Về tài sản khi đó các cụ đã thỏa thuận miệng chia cho ông H1 và cụ T3 ở khu đất cùng toàn bộ tài sản là nhà ở, công trình phụ, cây lâu năm ở Đồi Cam, chia cho cụ Y và vợ chồng ông H khu đất ở Đồi Nhỏ. Việc các cụ thỏa thuận chia như vậy chỉ là tự thỏa thuận, không lập thành văn bản. Cụ T3 chung sống với vợ chồng ông H1 đến năm 1986 cụ T3 chết không để lại di chúc, tài sản của cụ T3 ở khu Đồi Cam do ông H1 quản lý và sử dụng bao gồm toàn bộ diện tích đất khoảng 800 m², các cây lâu năm là cây nhãn, mít, vải thiều, giếng nước, nhà ở và một suất ruộng canh tác của cụ T3, các con không có ai tranh chấp.

Cụ Y chung sống với vợ chồng ông H tại khu đất ở Đồi Nhỏ đến năm 2005 thì cụ chết không để lại di chúc, bản thân bà có được cùng ông H1, bà V và ông H đứng ra lo tang ma cho cụ Y như đối với cha đẻ. Tài sản của cụ Y là nhà ở, các công trình xây dựng, đất tại khu Đồi Nhỏ, một suất ruộng canh tác của cụ Y do vợ chồng ông H quản lý, các con không có ai tranh chấp. Nay bà xác định di sản của cụ T3 và cụ Y để lại là hai diện tích đất ông H và ông H1 ở hiện nay đề nghị chia đều cho mỗi người một phần,

Bà Lê Thị V trình bày: Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị T3 kết hôn với cụ Ngô Viết Y năm 1958, trước khi kết hôn cụ T3 đã có 3 người con riêng là ông Lê Phùng H1 sinh năm 1952, bà Lê Thị T sinh năm 1954, bà Lê Thị V sinh năm 1956. Hai cụ ở

khu đất bãi Lãng gần nghĩa trang liệt sỹ xã ĐS ngày nay, khi đó bà còn nhỏ giữa bà và cụ Y có quan hệ nuôi dưỡng chăm sóc nhau như cha đẻ với con đẻ, đến năm 1960 hai cụ sinh thêm một người con chung là ông Ngô Viết H. Đến năm 1978 thực hiện chính sách di dân hai cụ chuyển lên ở khu đất đồi cam. Tài sản của hai cụ gồm hai thửa đất, một thửa ở khu Đồi Nhôm (là thửa do vợ chồng ông H, bà H3 đang sinh sống hiện nay), một thửa ở khu Đồi Cam. Gia đình chung sống tại khu Đồi Cam đến khoảng năm 1980 thì ông H lấy vợ lần đầu là Phạm Thị H9, hai cụ cho vợ chồng ông H, bà H9 vào ở tại thửa đất ở khu Đồi Nhôm, do vợ chồng ông H và bà H9 mâu thuẫn nên ông H đã ly hôn với bà H9 và lại trở về chung sống với cụ Y và cụ T3 tại khu đất ở Đồi Cam. Khoảng năm 1983 ông H lấy vợ lần thứ hai là bà Đặng Thị H3, sau khi ông H kết hôn với bà H3, cụ Y và cụ T3 cho vợ chồng ông H, bà H3 vào ở khu đất Đồi Nhôm, cũng trong năm 1983 cụ Y chuyển vào chung sống cùng vợ chồng ông H, bà H3 tại khu Đồi Nhôm, cụ T3 chung sống với vợ chồng ông H1, bà T4 (là vợ trước của ông H1) tại khu đất ở Đồi Cam. Gia đình cụ T3 và cụ Y đã chính thức tách thành hai hộ độc lập kể từ khi cụ Y về chung sống với vợ chồng ông H, bà H3 từ năm 1983. Về tài sản khi đó hai cụ đã thỏa thuận miệng chia cho ông H1 và cụ T3 ở khu đất cùng toàn bộ tài sản là nhà ở, công trình phụ, cây lâu năm ở Đồi Cam, chia cho cụ Y và vợ chồng ông H khu đất ở Đồi Nhôm. Việc các cụ thỏa thuận chia như vậy chỉ là tự thỏa thuận, không lập thành văn bản. Cụ T3 chung sống với vợ chồng ông H1 đến năm 1986 cụ T3 chết không để lại di chúc, tài sản của cụ T3 ở khu Đồi Cam do ông H1 quản lý và sử dụng bao gồm toàn bộ diện tích đất khoảng 800m², các cây lâu năm là cây nhãn, mít, vải thiều, giếng nước, nhà ở và một suất ruộng canh tác của cụ T3, các con không có ai tranh chấp.

Cụ Y chung sống với vợ chồng ông H tại khu đất ở Đồi Nhôm đến năm 2005 thì cụ chết không để lại di chúc, bà có cùng ông H1, bà T, ông H cùng nhau đứng ra lo tang ma cho cụ Y. Tài sản của cụ Y là nhà ở, các công trình xây dựng đất tại khu Đồi Nhôm, một suất ruộng canh tác của cụ Y do vợ chồng ông H quản lý, các con không có ai tranh chấp, tài sản của cụ Y và cụ T3 đã được hai cụ chia xong và thực hiện việc chia tài sản trước khi hai cụ chết. Ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 chia tài sản chung của cụ T3 và chia thừa kế tài sản của cụ Y tại khu Đồi Cam bà không đồng ý vì lý do các cụ đã chia xong tài sản trước khi chết. Ngày 17/4/2018 bà V có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là hai thửa đất khoảng 2000m² ông H đang ở và một thửa đất diện tích 801m² ông H1 đang quản lý, đề nghị chia kỹ phần cho bà.

Bà Đặng Thị H3 trình bày: Bà là vợ ông Ngô Viết H, năm 2006 bà và ông H có xây lò vôi trên thửa đất ở khu Đồi cam. Nay ông Ngô Viết H khởi kiện bà không có ý kiến gì, bà đồng ý với ý kiến của ông H ghi trong đơn khởi kiện. Về ngôi nhà cũ vợ chồng bà đã phá đi để lấy gạch cũ làm lò vôi, vợ chồng bà đã tự nguyện trả cho ông H 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bản thân bà không có yêu cầu gì.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện YT trình bày: Năm 2003 hộ gia đình, cá nhân ông Lê Phùng H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 421, diện tích 801m² theo bản đồ đo năm 1999. Đến nay, theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2011 thửa đất trên có diện tích 906m² (diện tích tăng lên 105m², theo kết quả xác minh thì phần ranh giới của thửa đất từ trước đến nay không thay đổi, không tranh chấp với các chủ sử dụng liền kề. Như vậy, việc thay đổi diện tích là do sai số về đo đạc địa chính và phần diện tích tăng thêm vẫn thuộc quyền sử dụng của chủ sử dụng đất.

UBND xã ĐS có ý kiến: Qua kiểm tra đối chiếu bản đồ địa chính thì diện tích đất gia đình ông H1 đang sử dụng có tăng so với diện tích đất thực tế được giao 105m². Hiện tại thửa đất được gia đình ông H1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Về diện tích đất tăng lên so với diện tích đất thực tế được giao do gia đình ông H1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đối chiếu với quy định luật đất đai năm 2013 gia đình ông H1 đủ điều kiện để làm thủ tục cấp đổi và bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tăng thêm.

Anh Lê Mạnh H2 trình bày: anh là con của ông H1 và bà Nguyễn Kim T5 anh ở cùng ông H1 năm 2003 sau đó chuyển xuống Hương Vĩ ở với bà T5, anh được biết ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội anh, nay anh yêu cầu chia cả hai miếng đất bao gồm cả diện tích đất bên trong mà hiện nay gia đình ông H đang ở.

Anh Lê Mạnh T1 trình bày: Anh là con trai ông Lê Phùng H1 và bà Nguyễn Thị T5 anh ở với bố mẹ đến năm 1994 thì chuyển về Hương Vĩ ở với bà T5. Việc tranh chấp đất đai anh không có ý kiến yêu cầu gì, anh thống nhất ý kiến với ông H1.

Chị Ngô Thị H5: Cụ Ngô Viết Y là ông nội chị ở cùng gia đình chị từ năm 1984 cho đến khi cụ chết năm 2005, khi cụ còn sống do sức khỏe yếu nên cụ chủ yếu ở nhà trông cháu cho bố mẹ chị, không tham gia đóng góp gì vào kinh tế gia đình, nay phía ông H1, bà T, bà V đề nghị chia diện tích đất bố mẹ chị đang ở đề

ngợi Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bố mẹ chị, chị không yêu cầu gì cho chính mình, chị xin vắng mặt tại Tòa án.

Chị Ngô Thị H6: Cụ Ngô Viết Y là ông nội chị ở cùng gia đình chị từ năm 1984 cho đến khi cụ chết năm 2005, khi cụ còn sống do sức khỏe yếu nên cụ chủ yếu ở nhà trông cháu cho bố mẹ chị, không tham gia đóng góp gì vào kinh tế gia đình, nay phía ông H1, bà T, bà V đề nghị chia diện tích đất bố mẹ chị đang ở đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bố mẹ chị, chị không yêu cầu gì cho chính mình, chị xin vắng mặt tại Tòa án.

Chị Ngô Thị H7: Cụ Ngô Viết Y là ông nội chị ở cùng gia đình chị từ năm 1984 cho đến khi cụ chết năm 2005, khi cụ còn sống do sức khỏe yếu nên cụ chủ yếu ở nhà trông cháu cho bố mẹ chị, không tham gia đóng góp gì vào kinh tế gia đình, nay phía ông H1, bà T, bà V đề nghị chia diện tích đất bố mẹ chị đang ở đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bố mẹ chị, chị không yêu cầu gì cho chính mình, chị xin vắng mặt tại Tòa án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 144, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 227 và Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 632 Điều 633; 634; Điều 635; Điều 645; Điều 674; Điều 675; Điều 676; Điều 679; Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468, Điều 623, Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Khoản 12 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 7, Điều 11, Nghị định 70-CP, ngày 12/6/1997.

Xử: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T3 ở thửa 421 tờ bản đồ số 12 cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị T3 bao gồm ông Lê Phùng H1, bà Lê Thị T, bà Lê Thị V, ông Ngô Viết H cụ thể như sau:

Chia cho ông Ngô Viết H hưởng kỷ phần thừa kế trị giá 149.562.775 đồng được tính bằng quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất: cụ thể ông H được hưởng thửa đất ký hiệu lô số 01 diện tích 147,5m² trong đó có 35,9m² đất hành lang giao thông 73m² đất ở 38.6m² đất vườn diện tích đất có tứ cận như sau phía Bắc giáp nhà bà Nguyễn Thị Hi chiều dài 22,7m + 7,3m, phía Nam giáp lô số 2 chiều dài 22,7m + 7,4m, phía Đông Nam giáp đường chiều dài 5m, phía Tây Bắc giáp mương chiều dài 5m, trên đất có 01 cây vải đường kính 8,5m giá trị tài sản ông H được nhận là 149.221.200 đồng.

Chia cho bà Lê Thị T kỷ phần thừa kế là 149.562.775 đồng và Lê Thị V kỷ phần thừa kế là 149.562.775 đồng nhưng giao cho ông H1 được hưởng, chia cho ông Lê Phùng H1 kỷ phần thừa kế là 149.562.775 đồng, tổng số kỷ phần ông H1 được hưởng là 448.688.325 đồng được tính bằng quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất cụ thể như sau: Ông Lê Phùng H1 được hưởng lô số 3 diện tích 291,5m² trong đó có 220m² đất ở, 10,9m² đất vườn và 60,6m² đất hành lang giao thông diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp lô số 2 chiều dài 22,8 m + 7,5 m, phía Nam giáp nhà ông Thạch Văn D chiều dài 22,5m + 7,5m, phía Đông Nam giáp đường chiều dài 7.7m, phía Tây Bắc giáp mương chiều dài 11.7 m và các tài sản 03 cây mít, 01 cây nhãn 01 giếng khơi.

Giao cho ông H1 quản lý sử dụng 01 bếp diện tích 14,285m²; 03 cây vải thiều đường kính tán 4,5 - 5m.

Ông H1 có trách nhiệm trích trả cho ông H 500.000 đồng giá trị căn bếp và trích chia cho ông H giá trị chênh lệch kỷ phần được hưởng là 341.575đồng.

Bác yêu cầu của ông Ngô Viết H về chia di sản thừa kế của cụ Ngô Viết Y tại sổ thừa 421 tờ bản đồ số 12, ông Lê Phùng H1 tiếp tục được sử dụng diện tích đất còn lại tại lô 2 tổng diện tích là 465.1m² trong đó có 113,5m² đất hành lang giao thông, 298m² đất ở và 53,6m² đất vườn diện tích đất có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp lô số 1 chiều dài 22,7 m + 7,4 m, phía Nam giáp lô số 3 chiều dài 22,8m + 7,5m, phía Đông Nam giáp đường chiều dài 15.5m phía Tây Bắc giáp mương chiều dài 16m . Trên đất có 04 cây vải thiều đường kính tán 4,5 - 5m, 01cây đường kính tán 9,7m.

(Có sơ đồ kèm theo bản án).

Chia di sản thừa kế của cụ Ngô Viết Y tại thừa 274 tờ bản đồ 12 cho các đồng thừa kế ông H1, bà T, bà V, ông H mỗi người được hưởng 6.300.750 đồng; giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 274 tờ bản đồ số 12 diện tích 2158m² trong đó đất ở 720m², đất vườn 1438m² và các tài sản trên đất gồm nhà cấp bốn loại hai diện tích 47,25m², 01 nhà cấp bốn loại hai diện tích 28m²; 01 nhà bếp xây năm 1987 diện tích 18,45m² ông H có trách nhiệm trích chia cho bà Thịnh, bà V, ông H1 mỗi người số tiền là 6.300.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Ngô Viết H phải chịu 7.234.541 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.550.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số AA/2012/01432 ngày 26 tháng 11 năm 2013 và biên lai số N^o 009594 ngày 09 tháng 7 năm 2008 ông H còn phải nộp số tiền là 3.684.541 đồng.

Miễn án phí cho ông H1, bà T, bà V.

Về chi phí định giá tài sản: Ông H1 chịu 5.000.000 đồng chi phí định giá thẩm định. Ông H chịu 4.000.000 đồng chi phí định giá thẩm định, xác nhận ông H, ông H1 đã nộp đủ số tiền này.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/4/2019, ông Ngô Viết H là nguyên đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 05/4/2019, ông Lê Phùng H1 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Ông không đồng ý chia một phần diện tích đất mà ông H đang sử dụng.

Trong cùng ngày 05/4/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế ra quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang bổ sung kháng nghị đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Viết H là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; ông Lê Phùng H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không rút đơn kháng cáo; Viện Kiểm sát không rút kháng nghị. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Ngô Viết H bày: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Viết H và kháng nghị của Viện kiểm sát: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[1]. Xét kháng cáo của ông Ngô Viết H, ông Lê Phùng H1 và kháng nghị của Viện Kiểm sát, thì thấy:

Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

Năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện YT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 274 tờ bản đồ 12 cho hộ ông Ngô Viết H. Trong hộ ông Ngô Viết H tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó gồm: Ông Ngô Viết H, bà Đặng Thị H3, chị Ngô Thị H5, chị Ngô Thị H6, chị Ngô Thị H7, anh Ngô Văn H8 và cụ Ngô Viết Y. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với UBND huyện YT, tỉnh Bắc Giang. UBND huyện YT, tỉnh Bắc Giang có quan điểm: “Theo quy định tại khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013 đã quy định Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Như vậy năm 2000 hộ gia đình ông Ngô Viết H được UBND huyện YT công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tại thời điểm đó anh Ngô Văn H8 là con đang sống chung cùng ông H trên thửa đất này nên anh H8 cũng có quyền và nghĩa vụ chung trong việc sử dụng đất”. Nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xác định anh H8 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Ngô Viết H có nộp thêm tài liệu chứng cứ là bản phô tô Biên bản thỏa thuận giữa công ty Cổ phần Nhân lực Thuận Thảo phối hợp với công ty Trần Đại (Công ty môi giới Đài Loan) về việc hoàn tất thủ tục cho lao động Ngô Văn H8 ngày 21/7/2017 đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan theo chủ sử dụng lao động tại Công ty Hoa Hồng trong thời gian 03 năm. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thể hiện có 02 văn bản: Bút lục số 1056 và bút lục số 1057 không đề ngày do ông Ngô Viết H là bố của anh Ngô Văn H8 giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế ngày 04/3/2019 (trước khi Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm 10 ngày). Trong đó, một văn bản bút lục số 1056

là Đơn đề nghị có nội dung thể hiện là của người có tên Ngô Văn H8, địa chỉ: thôn ĐK, xã ĐS, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay đang làm việc tại Đài Loan, tại phiên tòa phúc thẩm vợ chồng ông H, bà H3 đều thừa nhận đơn đề nghị và chữ ký trong đơn là của anh H8, song văn bản này được gửi thông qua một người bạn của anh H8 từ Đài Loan về Việt Nam, người bạn này lại gửi cho ông H, bà H3 theo đường bưu điện tại Việt Nam, ông H, bà H3 không rõ người bạn của anh H8 là ai, tên gì và địa chỉ ở đâu. Còn văn bản thứ 2 bút lục số 1057 là Biên bản thỏa thuận, ông H, bà H3 thừa nhận trong văn bản này chữ kí của anh H8 là do chị gái của anh H8 đã tự kí thay chữ ký của anh H8 vì anh H8 hiện tại đang lao động tại Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về Việt Nam lần nào.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã không tiến hành xác minh, lấy lời khai để xem xét anh Ngô Văn H8 có đi lao động ở Đài Loan hay không, nếu có đi lao động tại Đài Loan thì anh H8 đi từ thời gian nào, từ đó đến nay anh H8 có về Việt Nam lần nào không, anh H8 có viết đơn đề nghị như ông H cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế ngày 04/3/2019 không, và anh H8 có công sức đóng góp, phát triển đối với thửa đất số 274 tờ bản đồ 12 cấp cho hộ ông Ngô Văn H không. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà H3 đều khai anh H8 có rất nhiều công sức trong việc tôn tạo, san lấp đất, đào hồ trữ nước, trồng cây, góp tiền cho ông H, bà H3 để cải tạo, trồng cây đối với thửa đất này. Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm như phân tích ở trên. Như vậy kháng cáo của ông Ngô Viết H và kháng nghị bổ sung của Viện Kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm được chấp nhận, do hủy án nên kháng cáo của ông Lê Phùng H1 về việc không đồng ý chia một phần diện tích đất mà ông H đang sử dụng không được chấp nhận.

[2]. Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá sẽ được giải quyết khi Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án.

Ông H1, ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Viết H và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Phùng H1.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về án phí: Ông H1, ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi